

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 31 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hùng và ông Nguyễn Hiếu Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 155/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đàm Thanh H, sinh năm 1986 tại Hà Nội; HKTT: Tiểu khu P, thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Tiểu khu D, thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đàm NT và bà Đỗ TK; Vợ là Phạm Thị N và có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 28/9/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Phạm Thị N, sinh năm 1987 tại Ninh Bình; HKTT: Tiểu khu P, thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Tiểu khu D, thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm MT và bà Lý TN; Chồng là Đàm Thanh H và có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày

28/9/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988 tại Hà Nội; HKTT và chỗ ở: Thôn U, xã H, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị Th; Vợ là Hng Thị C và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 28/9/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

4. Trần Trung T2, sinh năm 1997 tại Hà Nội; HKTT và chỗ ở: Thôn U, xã H, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Đại D và bà Nguyễn Thị Đ; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không. Tiền sự: Ngày 17/9/2023 bị Công an huyện Thường Tín xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 28/9/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

5. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1998 tại Hà Nội; HKTT và chỗ ở: Thôn U, xã H, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn VT và bà Nguyễn Thị Ph; Vợ là Nguyễn LH và có 02 con (lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 28/9/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

6. Đào Văn T4, sinh năm 1997 tại Hà Nội; HKTT và chỗ ở: Thôn U, xã H, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đào VH và bà Đào TT; Vợ là Hng TT2 và có 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 28/9/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

7. Trần Văn C2, sinh năm 2002 tại Hà Nội; HKTT và chỗ ở: Thôn U, xã

H, huyện T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần VH và bà Nguyễn TL; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- *Bị hại:* Chị Đào Thị G, sinh năm 1986; HKTT: Tổ 1, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Park Z, khu đô thị T, quận M, thành phố Hà Nội. (có đơn xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1988; trú tại: Tiểu khu D, thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội. (có đơn xin vắng mặt)

2/ Anh Từ Đức T5, sinh năm 1992; trú tại: Thôn K2, xã H2, huyện T, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

3/ Anh Từ Văn T6, sinh năm 1996; trú tại: Xóm P, xã H2, huyện T, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

4/ Anh Đặng Văn H2, sinh năm 1998; trú tại: Xóm N, xã NP, huyện C, tỉnh H. Chỗ ở: Thôn KC, xã L2, huyện T, thành phố Hà Nội. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 01/7/2020 đến ngày 31/12/2023, Phạm Thị N ký hợp đồng thoả thuận nhượng quyền kinh doanh bán lẻ với công ty Cổ phần A (địa chỉ: đường HH, phường PX, quận BD, TP. Hà Nội) để phân phối tiêu thụ mặt hàng thời trang A. Ngày 20/5/2023, Phạm Thị N và chồng là Đàm Thanh H thoả thuận chuyển nhượng cửa hàng thời trang nhãn hiệu A Việt Nam có địa chỉ tại 64 - 66 đường Hùng Nguyên, thị trấn T, huyện T, TP. Hà Nội cho chị Đào Thị G với giá 1.570.000.000 đồng và 150.000.000 đồng là tiền N đã đặt cọc tại công ty Cổ phần A. Chị G đã chuyển khoản số tiền 1.570.000.000 đồng cho vợ chồng N, còn nợ lại

150.000.000 đồng là tiền N đặt cọc tại công ty để N làm thủ tục sang tên cho chị G làm đại lý cho công ty Cổ phần A.

Sau khi tiếp quản cửa hàng thời trang nhãn hiệu A Việt Nam có địa chỉ nêu trên thì chị G cho các nhân viên làm cho vợ chồng N nghỉ việc và tự thuê các nhân viên mới vào làm. Chị G trực tiếp trả lương cho nhân viên, trả tiền thuê mặt bằng cửa hàng và được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ việc kinh doanh cửa hàng thời trang nhãn hiệu A Việt Nam. Sau đó, Phạm Thị N có yêu cầu chị G trả nốt số tiền 150.000.000 đồng nhưng chị G chưa trả nên khoảng 20 giờ ngày 18/9/2023, N nói với H về việc chị G chưa trả số tiền 150.000.000 đồng, H gọi điện cho Nguyễn Trung K, Từ Đức T5, Từ Anh T, Nguyễn Văn T1 và Đào Văn T4 để nhờ đi ra cửa hàng quần áo nhãn hiệu A Việt Nam ở 64 - 66 đường N, thị trấn T để lấy hàng quần áo về. Khi đi T1 gọi điện cho Trần Trung T2, còn T2 rủ thêm Nguyễn Văn T3, T4 rủ Trần Văn C2 đi cùng, N chuẩn bị 07 bao tải màu xanh mang theo. Khi đến nơi, tất cả đi vào cửa hàng A, lúc này trong cửa hàng có anh Đặng Văn H2 là nhân viên bán hàng đang trực tiếp quản lý cửa hàng. N nói “*chị là chủ cửa hàng, chị đến lấy hàng của chị*”, anh H2 có ngăn cản lại và nói “*em chỉ là nhân viên, có gì gọi chị chủ, chứ em không biết gì, các anh không được lấy, nếu mất đồ thì em phải chịu trách nhiệm*” thì H nói với mọi người “*cứ bốc vào đi, đây là cửa hàng nhà anh*”, anh H2 thấy các bị cáo đông người, lo sợ bị hành hung nên chỉ gọi điện cho chủ cửa hàng, không dám làm gì. Sau đó, T4 và C2 lấy bao tải vạch ra để H, N, T1, T3, T2 lấy quần áo, giầy cho vào bao tải; còn K nói với H “*từ từ đã*” rồi đứng nhìn không tham gia lấy tài sản, T5 và T6 biết là cửa hàng có tranh chấp nên không lấy quần áo mà đi ra ngoài. Khoảng 05 phút sau thì chị G đến nói với N “*sao em lại làm như thế*”, N trả lời “*chị không chuyển đủ tiền thì em lấy hàng*” và vẫn tiếp tục lấy quần áo, giầy cho vào bao tải nên giữa N và chị G có lời qua tiếng lại, lúc này mọi người mới dừng lại. Sau đó, chị G trình báo sự việc đến Công an huyện Thường Tín. Tang vật tạm giữ gồm: 73 sản phẩm (quần áo, giầy) của hãng quần áo nhãn hiệu A Việt Nam; 07 bao tải dứa KT (1,18x0,78) m.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐG ngày 27/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Thường Tín, kết luận: Các sản

phẩm của hãng quần áo nhãn hiệu A Việt Nam gồm 73 sản phẩm có giá trị là 41.104.500 đồng.

Tại Cáo trạng số 145/CT-VKSTT ngày 29/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín đã truy tố Đàm Thanh H, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T1, Trần Trung T2, Nguyễn Văn T3, Đào Văn T4, Trần Văn C2 về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Đàm Thanh H 15-18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30-36 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Thị N 15-18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30-36 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn T1 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24-30 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn T3 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24-30 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Đào Văn T4 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24-30 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Văn C2 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24-30 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Trung T2 12-15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 28/9/2023.

Giao các bị cáo Đàm Thanh H, Phạm Thị N cho Ủy ban nhân dân thị trấn

T, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Đào Văn T4, Trần Văn C2 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ định tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa khẳng định: Ngày 20/5/2023, Phạm Thị N và chồng là Đàm Thanh H thỏa thuận chuyển nhượng cửa hàng thời trang A có địa chỉ tại 64-66 đường H, thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội cho chị Đào Thị G với giá 1.570.000.000 đồng và 150.000.000 đồng là tiền N đã đặt cọc tại Công ty cổ phần A để làm đại lý bán lẻ. Chị G đã thanh toán số tiền 1.570.000.000 đồng cho vợ chồng N và trực tiếp quản lý kinh doanh cửa hàng thời trang A từ tháng 5/2023, còn 150.000.000 đồng chị G chưa trả để N làm thủ tục sang tên cho chị G làm đại lý của cửa hàng với Công ty cổ phần A. N yêu cầu chị G trả nốt số tiền 150.000.000 đồng nhưng chị G chưa trả nên khoảng 20 giờ ngày 18/9/2023, Đàm Thanh H và Phạm Thị N mang theo bao tải cùng Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Trần Trung T2, Đào Văn T4, Trần Văn C2 đến cửa hàng thời trang A có địa chỉ nêu trên để lấy quần áo. Khi các bị cáo đi vào cửa hàng để lấy quần áo, anh Đặng Văn H2 là người đang trực tiếp quản lý cửa hàng ra ngăn cản nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện, anh H2 sợ bị hành hung do nhóm bị cáo có đông người, xăm trổ nên không dám làm gì. Các bị cáo đã lấy 73 sản phẩm (quần áo, giày) nhãn hiệu A của cửa hàng cho vào bao tải, trị

giá tài sản là 41.104.500 đồng, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị Đào Thị G. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, xác định được các bị cáo Đàm Thanh H, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Trần Trung T2, Đào Văn T4, Trần Văn C2 đã có hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín truy tố các bị cáo Đàm Thanh H, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Trần Trung T2, Đào Văn T4, Trần Văn C2 về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, cũng như để răn đe và phòng ngừa chung.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án mang tính giản đơn, bị cáo Đàm Thanh H là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Thị N là người chuẩn bị công cụ phạm tội. Đồng thời bị cáo H và N cùng các bị cáo Nguyễn Văn T1, Trần Trung T2, Nguyễn Văn T3, Đào Văn T4, Trần Văn C2 đều trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, trong đó T4 và C2 lấy bao tải vạch ra để H, N, T1, T3, T2 lấy quần áo, giày cho vào bao tải. Do đó, bị cáo Đàm Thanh H và Phạm Thị N có vai trò cao hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đàm Thanh H, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Đào Văn T4, Trần Văn C2 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo H có ông nội được tặng thưởng Huân

chương chiến sĩ vẻ vang, gia đình có liệt sĩ được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba và danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang; bị cáo N được tặng Danh hiệu Người tốt, việc tốt, có Giấy khen trong công tác phòng chống dịch Covid, có bố đẻ là thương binh được hưởng trợ cấp xã hội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo.

Bị cáo Trần Trung T2 có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi Cố ý gây thương tích nay tiếp tục thực hiện tội phạm do lỗi cố ý do đó cần áp dụng hình phạt tù với thời gian cách ly xã hội để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt và răn đe những người khác không phạm tội. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, có bố đẻ là thương binh có công với cách mạng nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là lao động tự do hoặc làm ruộng, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với 73 sản phẩm (quần áo, giày) của hãng quần áo nhãn hiệu A, quá trình điều tra xác định là của chị Đào Thị G nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị G. Chị G đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự đối với các bị cáo.

- Đối với 07 bao tải chứa kích thước (1,18x0,78)m là công cụ phạm tội các bị cáo mang theo để đựng quần áo, giày tại cửa hàng A, do đó cần tịch thu để tiêu hủy.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Trung K, Từ Đức T5 và Từ Anh Toàn không biết cửa hàng quần áo nhãn hiệu A Việt Nam của Phạm Thị N đã chuyển nhượng cho chị Đào Thị G, không bàn bạc và không tham gia lấy quần áo và giày của cửa hàng A nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đàm Thanh H, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Trần Trung T2, Đào Văn T4, Trần Văn C2 phạm tội “Cuồng đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Đàm Thanh H 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Thị N 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn T1 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn T3 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Đào Văn T4 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65

của Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Văn C2 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Trung T2 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/9/2023 đến ngày 28/9/2023.

Giao các bị cáo Đàm Thanh H, Phạm Thị N cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Đào Văn T4, Trần Văn C2 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 07 bao tải dứa kích thước (1,18 x 0,78)m là công cụ phạm tội (Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đàm Thanh H, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Trần Trung T2, Đào Văn T4, Trần Văn C2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt được quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín;
- Công an huyện Thường Tín;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Lan Hương